

Bản án số: 37/2024/DS-ST

Ngày: 14/8/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 14/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-DS ngày 27/02/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công Ty Cổ Phần S**. Địa chỉ: số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Anh H. Địa chỉ liên hệ: phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền đề ngày 01/10/2023). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị Hồng D**. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024 của nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/4/2024, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/8/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H trình bày:

Theo giấy đăng ký kinh doanh thì Công Ty Cổ Phần S (gọi tắt là Công ty S) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 28/03/2023, bà Ngô Thị Hồng D có đến chi nhánh công ty tại Sóc Trăng, địa chỉ là số D L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản, cụ

thẻ theo hợp đồng số: STM230301025NA21X được ký giữa các bên ngày 28/3/2023, số đăng kí giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichbaodam/botuphap 1493622820 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>. Bà Ngô Thị Hồng D có kí hợp đồng cầm cố tài sản với công ty, bao gồm các tài sản:

01 xe mô tô hai bánh BKS 83G1-069.13, loại xe là FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D.

Để lấy số tiền là 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 24 tháng (từ 28/3/2023-28/03/2025) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Ngô Thị Hồng D. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Ngô Thị Hồng D mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 28/3/2023 đến ngày 28/4/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh S1. Bà Ngô Thị Hồng D có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Trong quá trình trả nợ. Bà Ngô Thị Hồng D chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty S, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 119 ngày. Bà Ngô Thị Hồng D không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà D tại địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Ngô Thị Hồng D trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho công ty, nhưng bà Ngô Thị Hồng D không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty S.

Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Ngô Thị Hồng D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ Phần S số tiền 34.321.000 đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng) tính đến ngày 02/01/2024 bao gồm: Số tiền gốc: 17.001.000 đồng (Mười bảy triệu không trăm linh một nghìn đồng); Lãi: 3.740.000 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) (tính theo lãi suất 1.1%/ tháng); phí: 13.580.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) (2.6%/ tháng).

Đồng thời, yêu cầu bà Ngô Thị Hồng D còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 28/03/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trong trường hợp bà Ngô Thị Hồng D không có khả năng trả nợ, Công ty Cổ Phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/4/2024 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là xin rút phần yêu cầu buộc bà Ngô Thị Hồng D thanh toán phí theo dõi khoản vay mỗi tháng là 300.000 đồng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán và rút phần yêu cầu “Trong trường hợp chị Ngô Thị Hồng D không có khả năng trả nợ, Công ty Cổ Phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ”.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13/8/2024, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Ngô Thị Hồng D thanh toán cho Công ty S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.425.248 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2024 (làm tròn 11 tháng) với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền lãi là 1.988.809 đồng)

Đồng thời, xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản phí 2,6%/tháng, chỉ yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc và lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.425.248 đồng.

Sau khi bà Ngô Thị Hồng D thanh toán xong nợ cho Công ty S thì Công ty S đồng ý trả lại cho bà Ngô Thị Hồng D bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, số loại: FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, biển số đăng ký 83G1-069.13.

Theo tờ tường trình ngày 12/8/2024 bị đơn bà Ngô Thị Hồng D trình bày: Bà thừa nhận bà có kí hợp đồng cầm cố xe máy BKS 83G1-069.13, loại xe là FUTURE cho Công Ty Cổ Phần S để lấy số tiền là 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 24 tháng với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Sau khi ký hợp đồng cầm xe thì Công Ty Cổ Phần S cho bà mượn lại chiếc xe để sử

dụng. Tuy nhiên, sau khi cầm xe thì do con của bà bị bệnh, phải đi mổ nên bà không còn khả năng thanh toán tiền cho Công ty theo thoả thuận.

Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ Công Ty Cổ Phần S số tiền gốc là 17.001.000 đồng và tiền lãi như Công Ty Cổ Phần S trình bày. Bà đồng ý trả tiền nợ gốc cho Công Ty Cổ Phần S nhưng xin được trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc. Còn tiền lãi thì xin Công ty không tính tiền lãi vì hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn về kinh tế, gia đình đơn chiếc, con bà lại thường xuyên bệnh, không có khả năng trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn Công Ty Cổ Phần S khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Hồng D phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã ký kết. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Ngô Thị Hồng D cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Võ Anh H có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Anh H.

[4] Bị đơn bà Ngô Thị Hồng D có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5]. Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Hồng D thanh toán cho Công ty S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.425.248 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2024 (làm tròn 11 tháng) với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền lãi là 1.988.809 đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ

khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Đồng thời, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Rút phần yêu cầu phát mãi tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, số loại: FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, biển số đăng ký 83G1-069.13; Số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D; rút lại yêu cầu về khoản phí 2,6%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút như đã nêu trên.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Ngô Thị Hồng D thanh toán cho Công ty S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 18.425.248 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng; Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2024 (làm tròn 11 tháng) với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền lãi là 1.988.809 đồng) thì thấy rằng: Vào ngày 28/3/2023 giữa Công ty TNHH S2 – Chi nhánh S1 và bà Ngô Thị Hồng D có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số STM230301025NA21X. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã giải ngân số tiền 19.800.000 đồng cho bà Ngô Thị Hồng D. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên; đồng thời, phía bị đơn bà Ngô Thị Hồng D cũng thừa nhận có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản cho nguyên đơn để lấy số tiền là 19.800.000 đồng và hiện nay bị đơn còn nợ tiền vốn và lãi như nguyên đơn trình bày.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bà Ngô Thị Hồng D có nhận của Công ty S số tiền là 19.800.000 đồng. Sau đó, bị đơn có thực hiện trả vốn và lãi, phí cho nguyên đơn theo thoả thuận được 05 kỳ. Tuy nhiên, từ ngày 29/8/2023 đến nay bà Ngô Thị Hồng D đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thoả thuận, hiện nay số tiền nợ gốc mà bị đơn còn nợ của Công ty S là 16.436.439 đồng. Như vậy, bà Ngô Thị Hồng D đã không thực hiện

đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Công ty S theo thoả thuận là đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Hồng D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy rằng: Căn cứ theo hợp đồng cầm cố tài sản số: STM230301025NA21X ngày 28/3/2023 thì mức lãi suất các bên thoả thuận là 1,1%/tháng. Như vậy, mức lãi suất theo thoả thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do bà Ngô Thị Hồng D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 29/8/2023 cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Hồng D có nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày 29/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2024 (làm tròn 11 tháng) với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền lãi là 1.988.809 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Đối với việc bị đơn bà Ngô Thị Hồng D xin được trả dần tiền nợ gốc, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc và xin nguyên đơn không tính tiền lãi thì nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S, buộc bà Ngô Thị Hồng D có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 18.425.248 đồng (Trong đó: Tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng; Tiền lãi trọng hạn là 1.988.809 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nguyên đơn Công ty S đồng ý trả lại cho bà Ngô Thị Hồng D bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, số loại: FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, biển số đăng ký 83G1-069.13 sau khi bà Ngô Thị Hồng D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Ngô Thị Hồng D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $(18.425.248 \text{ đồng} \times 05\%) = 921.262 \text{ đồng}$ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

1.1. Buộc bị đơn bà Ngô Thị Hồng D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 18.425.248 đồng (Mười tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 16.436.439 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng); T lãi là 1.988.809 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi tám nghìn tám trăm lẻ chín đồng)

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S về việc yêu cầu phát mãi tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, số loại: FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, biển số đăng ký 83G1-069.13; Sổ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D; khoản phí 2,6%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc nguyên đơn Công ty cổ phần S đồng ý trả lại cho bà Ngô Thị Hồng D bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 83003412 do Công an tỉnh S cấp ngày 27/10/2021 cho bà Ngô Thị Hồng D đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, số loại: FUTURE FI, màu đen nâu, số khung RLHJC7656MY055275, số máy JC90E0170547, biển số

đăng ký 83G1-069.13 sau khi bà Ngô Thị Hồng D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Ngô Thị Hồng D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 921.262 đồng (Chín trăm hai mươi một nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000785 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

5. Báo cáo đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam